

Bản án số: 280/2020/HSST
Ngày 24 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn.

2. Ông Nguyễn Đình Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 270/2020/HSST ngày 25 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm 1995 tại tỉnh Thái Bình; thường trú: Thôn 13, thị trấn N huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông (không rõ) và con bà Lương Thị G, sinh năm 1955; bị cáo có 02 anh em, bị cáo là thứ 1; tiền án, tiền sự : Không có. Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam ngày 13/01/2020, có mặt.

2. Hà Văn N, sinh năm 1998 tại tỉnh Đắk Lắk; thường trú: Thôn T xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Hà Văn B, sinh năm 1973 và con bà Vi Thị B, sinh năm 1977; bị cáo có 02 anh em, bị cáo là thứ 2; tiền án, tiền sự : Không có. Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam ngày 30/5/2020, có mặt.

Người bào chữa: Ông Đỗ Thanh V – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương bào chữa cho bị cáo Hà Văn N.

Bị hại: Chị Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1989; thường trú: Ấp H xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Mười B, sinh năm 1968; thường trú: Ấp H xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

2. Anh Lê Văn S, sinh năm 1964; thường trú: Ấp H xã H, huyện M, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

3. Chị Phạm Thị Ngọc V, sinh năm 1995; thường trú: Khu phố 13, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

4. Anh Lữ Văn T1, sinh năm 1993; thường trú: 47/15 khu phố B, phường H, Thành phố K, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người chứng kiến:

1. Anh Triệu Minh N, sinh năm 1993; 2. Anh Hà Văn L, sinh năm 1996, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 22/12/2019 chị Lê Thị Cẩm H qua giới thiệu vay bị cáo Phạm Văn T số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 20%/ tháng (10 ngày H trả tiền lãi 1.000.000 đồng), thực tế khi vay tiền T đưa chị H 4.000.000 đồng, ngày 12/01/2020 chị H không có tiền trả lãi suất, T rủ Hà Văn N điều khiển xe mô tô biển số 61D2-061.98 đi từ Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đến thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tìm và yêu cầu H trả tiền gốc, lãi. Sau khi gặp H không có khả năng thanh toán và nói với T “xuống Thành phố Dĩ An mượn tiền trả”. Sau đó H đón xe Grab cùng T, N về Thành phố Dĩ An nhưng H không mượn được tiền trả. Lúc này T yêu cầu tài xế xe Grab chở H về địa chỉ 456/11B khu phố Chiêu Liêu, phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nơi T thuê ở. Tại đây, T khóa cửa không cho H ra ngoài, yêu cầu H liên lạc về gia đình đem tiền đến trả cho T thì T sẽ thả H về, sau khi H liên lạc điện thoại về gia đình, gia đình H đồng ý trả T 8.000.000 đồng (bao gồm 5.000.000 đồng tiền gốc, 2.500.000 đồng tiền lãi suất và 500.000 đồng tiền thuê xe Grab). Thời điểm này T, N thay phiên nhau canh giữ H. Đến 21 giờ cùng ngày không thấy gia đình H đem tiền đến, T dùng tay tát vào mặt của H 01 cái, dùng 01 chai nước bằng nhựa ném vào đầu H 01 cái, bị cáo N dùng tay tát vào mặt H 01 cái, T, N dùng lời lẽ đe dọa H với nội dung “mày phải kêu mẹ mày mang tiền xuống đây trả cho tao thì tao không đánh mày nữa, mang tiền xuống thì tao cho mày về”, tiếp tục yêu cầu H liên lạc người nhà đem tiền trả cho T. Gia đình H đã đến Cơ quan Công an trình báo toàn bộ sự việc. T giữ H đến 18 giờ 30 phút ngày 13/01/2020 lực lượng Công an phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An nhận tin báo đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, sau đó đưa T về trụ sở Công an để làm việc. Đối với bị cáo N đã bỏ về từ lúc 23 giờ ngày 12/01/2020, sau này khi biết T bị bắt ngày 30/5/2020 N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Dĩ An đầu thú.

Vật chứng thu giữ và xử lý: Xe mô tô biển số 61D2-061.98 bị cáo T, N sử dụng phạm tội xe trên thuộc sở hữu của anh Lữ Văn T1. Anh T1 cho T mượn xe

không biết T dùng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả xe cho anh T1.

Cáo trạng số 303/CT – VKS ngày 24 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Hà Văn N về tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản cáo trạng truy tố đối với các bị cáo, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ.

+ Khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 07 tháng đến 9 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”

+ Khoản 1 Điều 170, điểm h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 1 năm 03 tháng tù đến 1 năm 6 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội từ 01 năm 10 tháng tù đến 02 năm 03 tháng tù.

+ Khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Văn N từ 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”

+ Khoản 1 Điều 170, điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Văn N từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Hà Văn N phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 11 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo N: Thống nhất với cáo trạng truy tố và bản luận tội của kiểm sát viên đối với bị cáo N. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện viện kiểm sát viên dẫn đối với bị cáo N. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm bị cáo N nhất thời phạm tội, phạm tội do bị rủ rê, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại về tài sản. Do vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập cộng đồng làm người công dân tốt.

Các bị cáo không bào chữa, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Phạm Văn T: Bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế, xin được giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất.

Bị cáo Hà Văn N: Bị cáo biết hành vi của mình là sai pháp luật, xin xem xét giảm nhẹ mức án thấp nhất do phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chứng cứ xác định có tội của các bị cáo: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 13/01/2020, biên bản ghi lời khai bị hại, người làm chứng, bản ảnh thực nghiệm điều tra, lời khai các bị cáo thể hiện. Do bị hại Lê Thị Cẩm H thỏa thuận vay 5.000.000 đồng của bị cáo Phạm Văn T nhưng H không trả được gốc, lãi đúng hạn. Trong các ngày 12 và 13/01/2020 bị cáo Phạm Văn T rủ bị cáo Hà Văn N đi tìm H, sau đó cả hai đưa H về nhà trọ nơi T thuê ở giữ H lại, tại đây các bị cáo đã dùng tay, chai nước để tát và đánh vào đầu H, dùng lời lẽ đe dọa buộc H phải điện thoại về gia đình mang 8.000.000 đồng đến trả T thì T, N mới thả H về, các bị cáo đã giữ H thời gian từ khoảng 17 giờ ngày 12/01/2020 đến 18 giờ 30 ngày 13/01/2020. Như vậy, hành vi trên của bị cáo T, N là hành vi của tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”, bản cáo trạng số 303/CT – VKS ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T, N không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với tội “Giữ người trái pháp luật” bị cáo T, N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản”, bị cáo N ra đầu thú, bị cáo N có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tình tiết trên được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T, N có nhân thân tốt thể hiện việc không có tiền án, tiền sự, các bị cáo nhất thời phạm tội.

[2] Về tính chất mức độ tội phạm: Bị cáo T, N cùng một lúc phạm hai tội trong đó có một tội thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 05 năm tù. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm về thân thể, quyền tự do, dân chủ của bị hại chị Lê Thị Cẩm H được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo T, N còn xâm phạm trực tiếp đến tài sản bị hại H. Các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[3] Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn do các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Trong vụ án bị cáo T là người giữ vai trò chính, bị cáo N thực hiện theo yêu cầu của bị cáo T. Do vậy mức hình phạt bị cáo T phải cao hơn so với N.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản của bị hại H, trong quá trình điều tra bị hại H không có yêu cầu bồi thường gì khác. Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đối với bài bào chữa của người bào chữa cho bị cáo N phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử vì vậy được chấp nhận.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát Thành phố Dĩ An đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, mức hình phạt các bị cáo phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử vì vậy được chấp nhận.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Hà Văn N phạm tội “Giữ người trái pháp luật” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 07 (bảy) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”

Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2020.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Văn N 06 (sáu) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”

Căn cứ khoản 1 Điều 170, điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Văn N 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Hà Văn N phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/5/2020.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Các bị cáo Phạm Văn T, Hà Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Dĩ An;
- Công an TP Dĩ An;
- Chi cục THA dân sự TP Dĩ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; bị hại; người cqlnvlq;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh